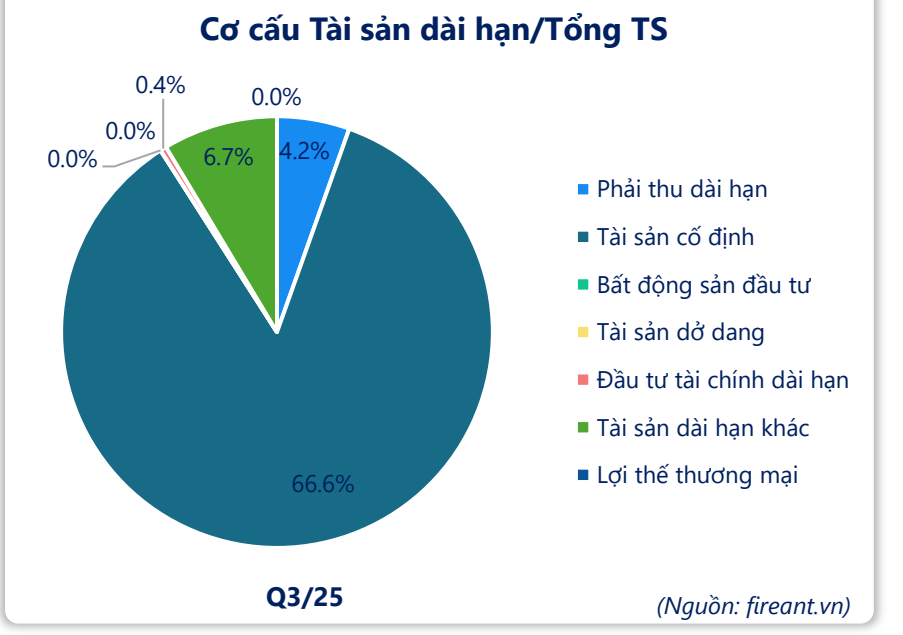
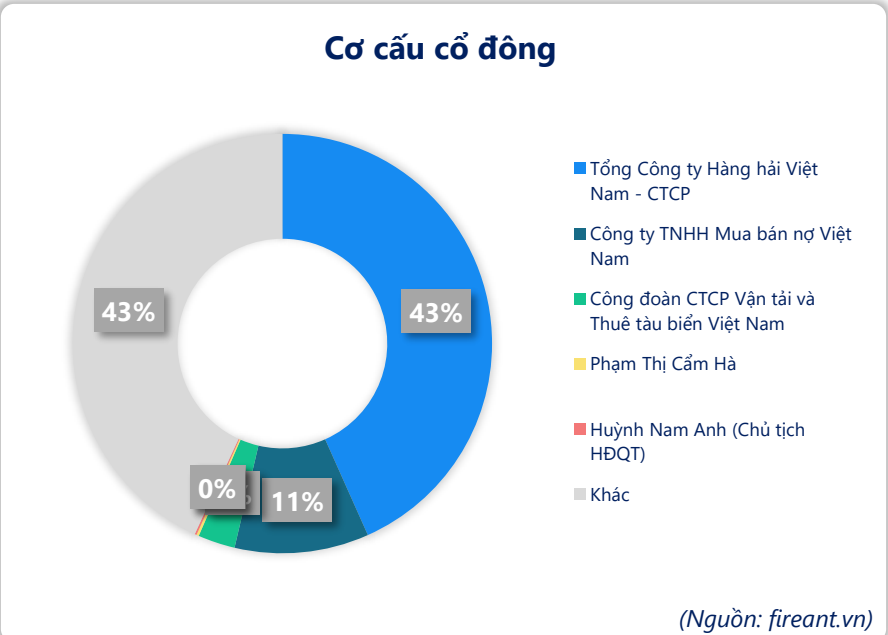
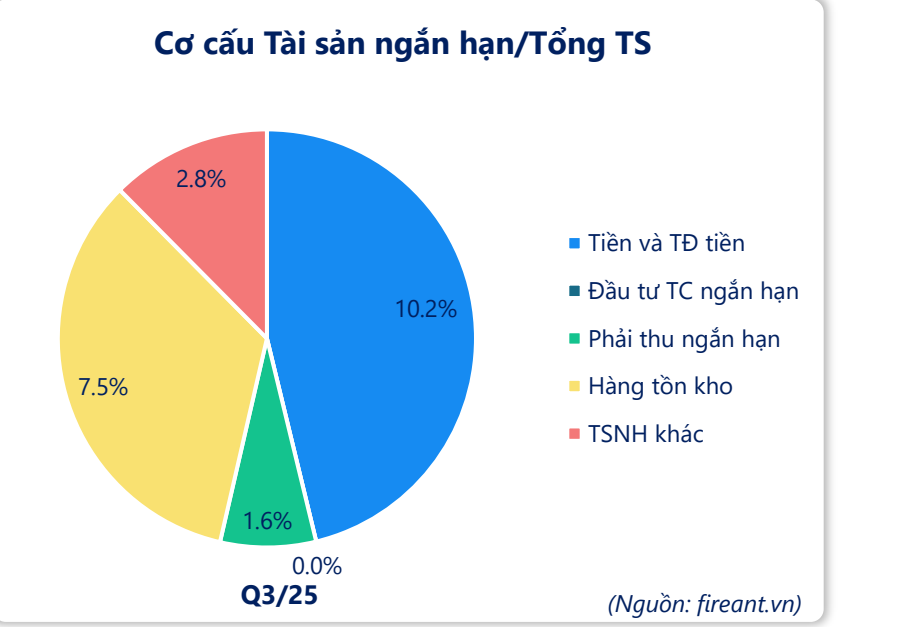
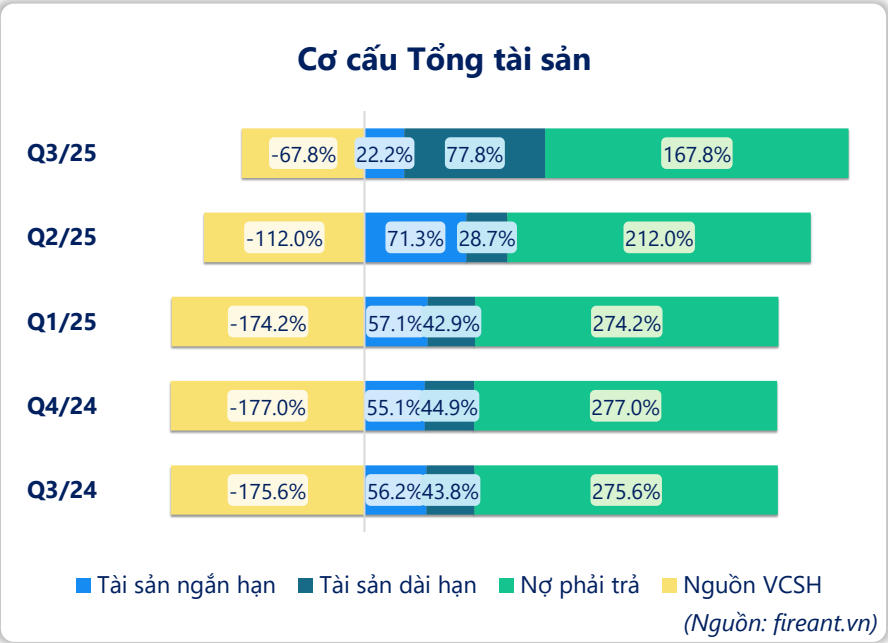
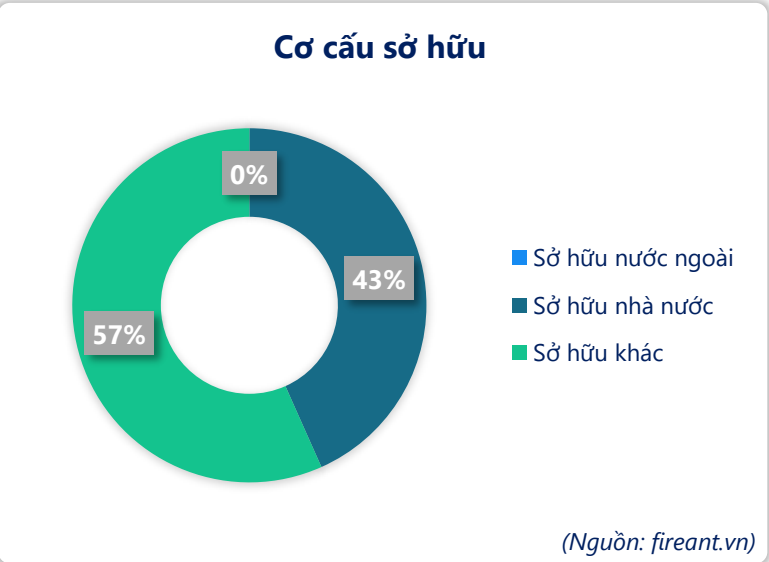
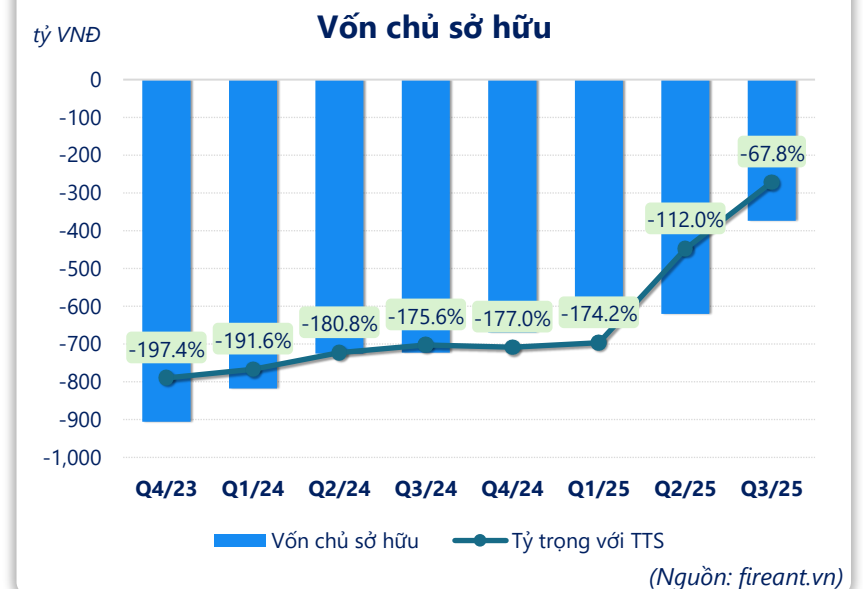
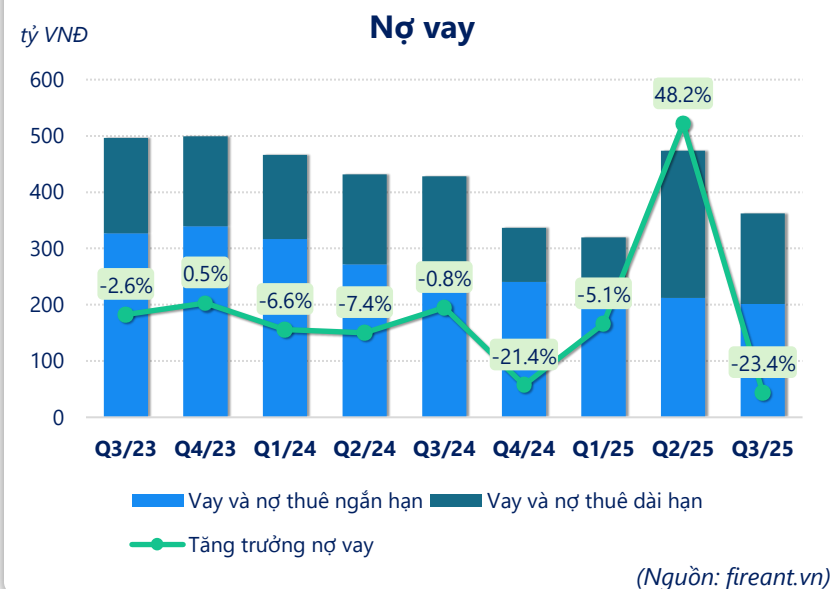
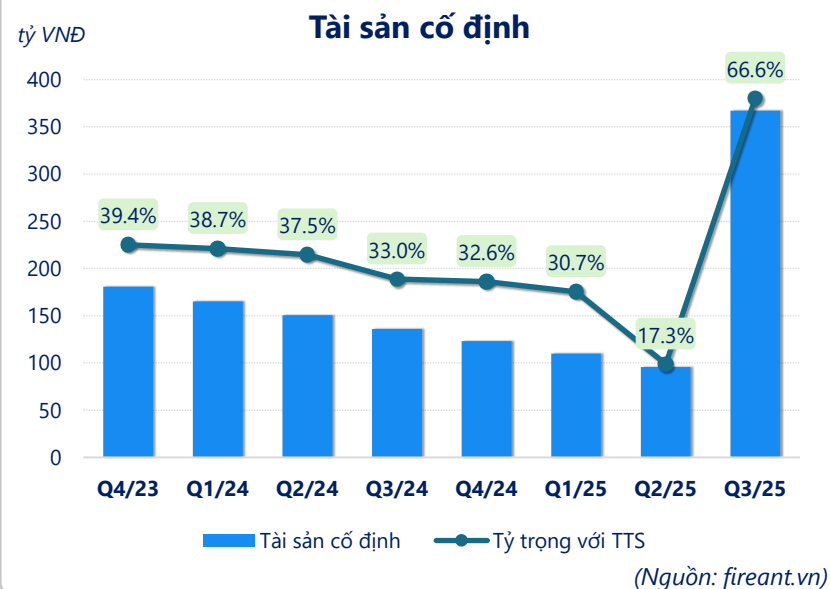
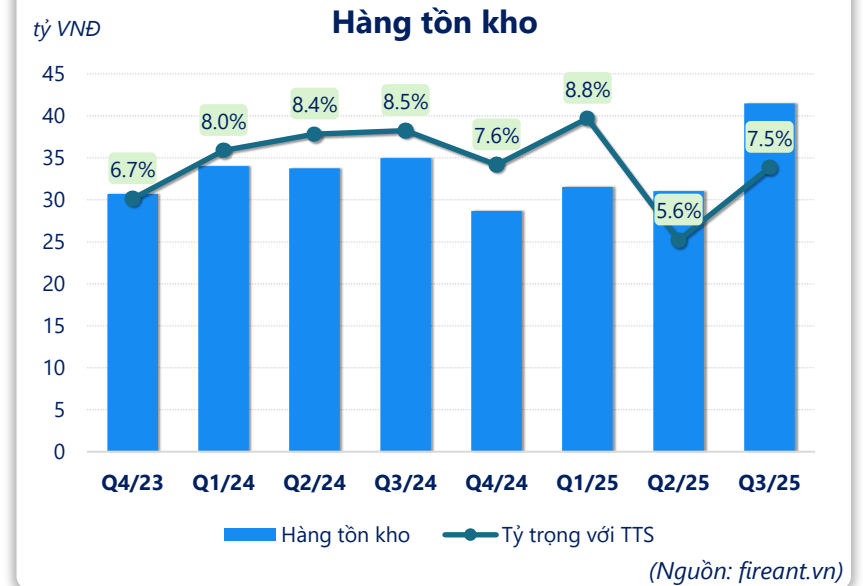
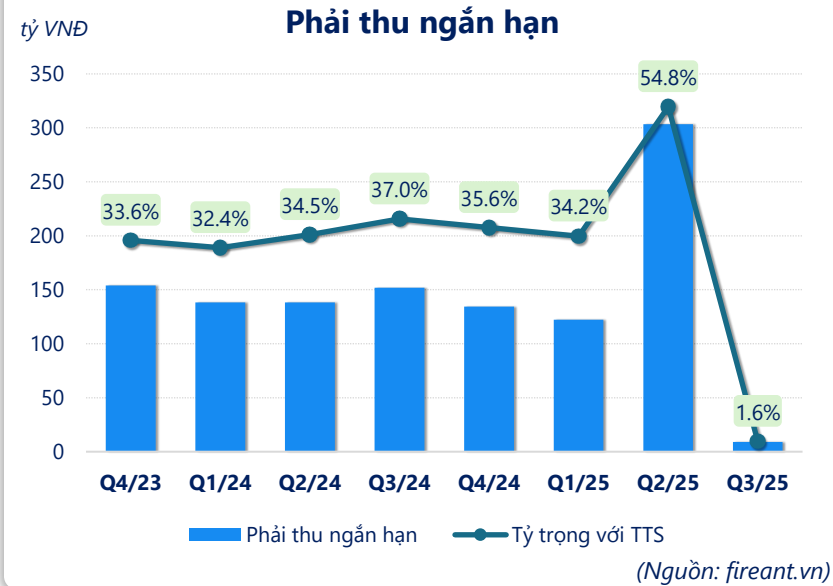
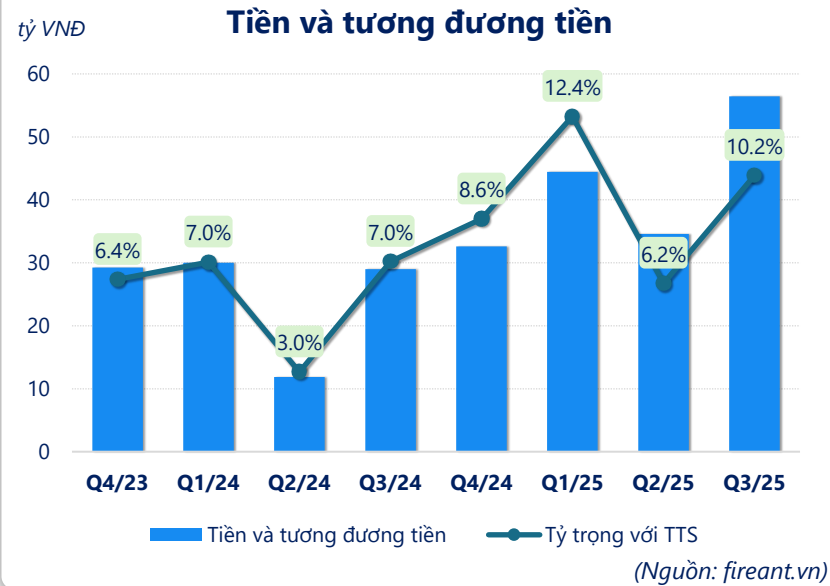
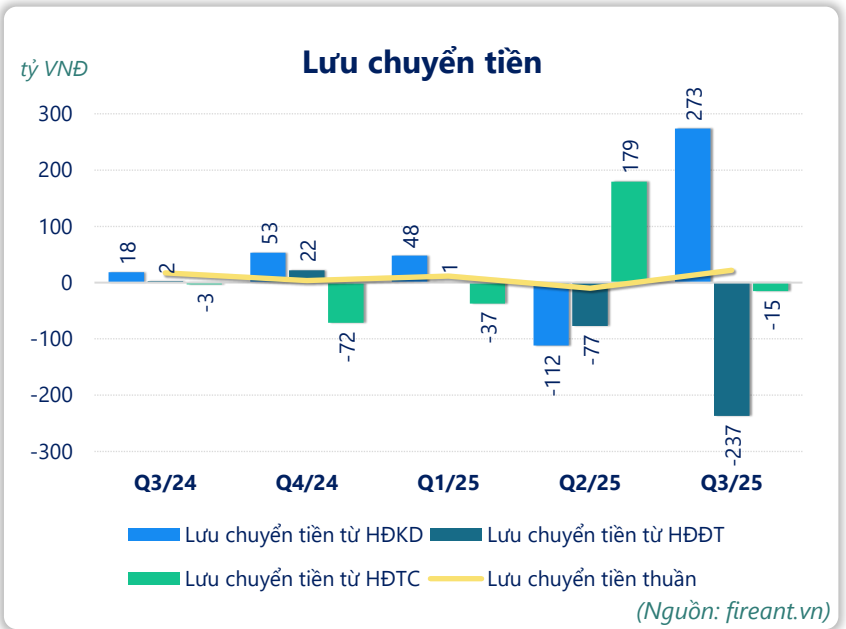
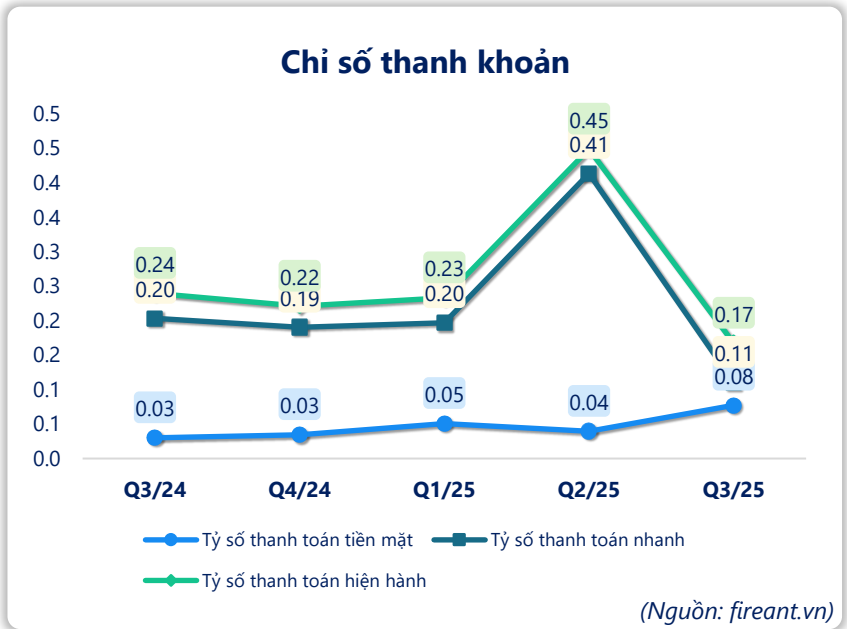
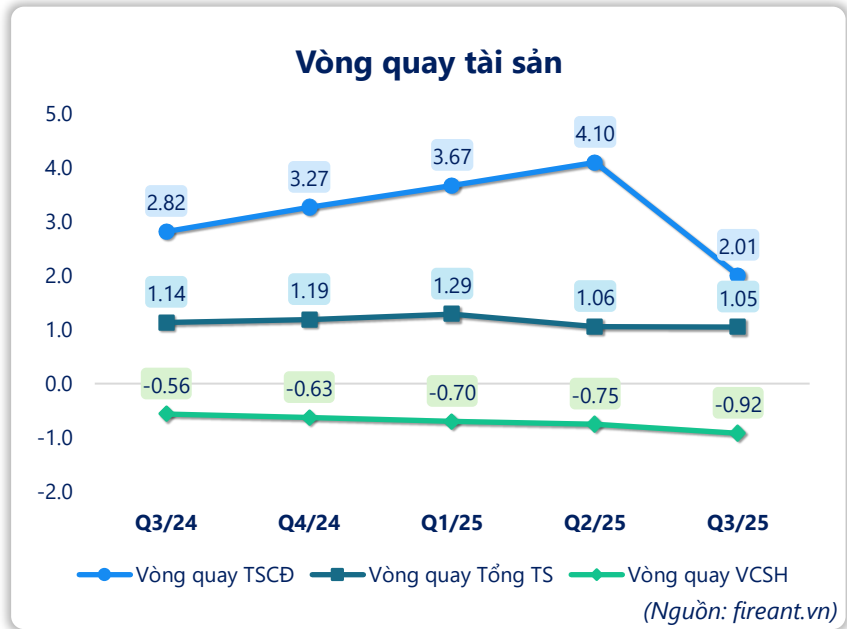
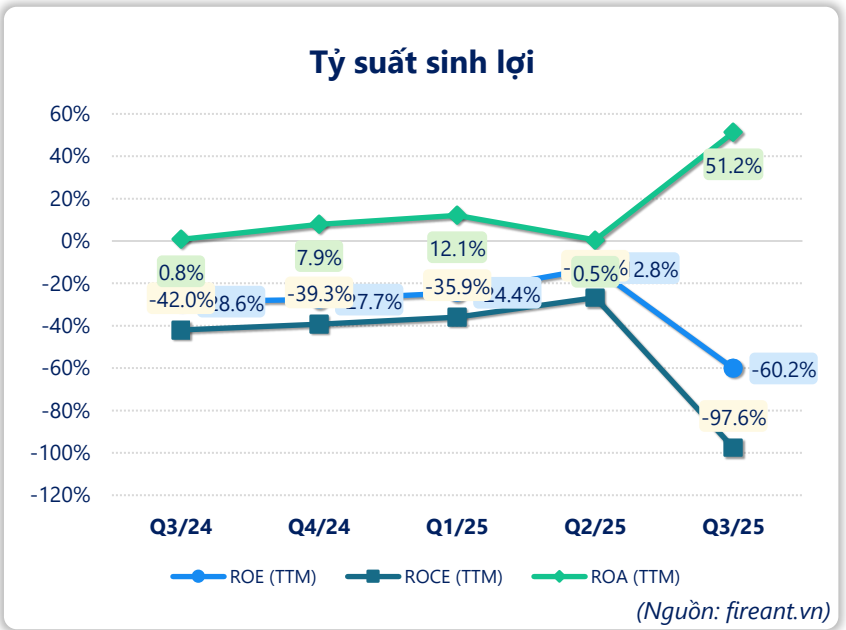
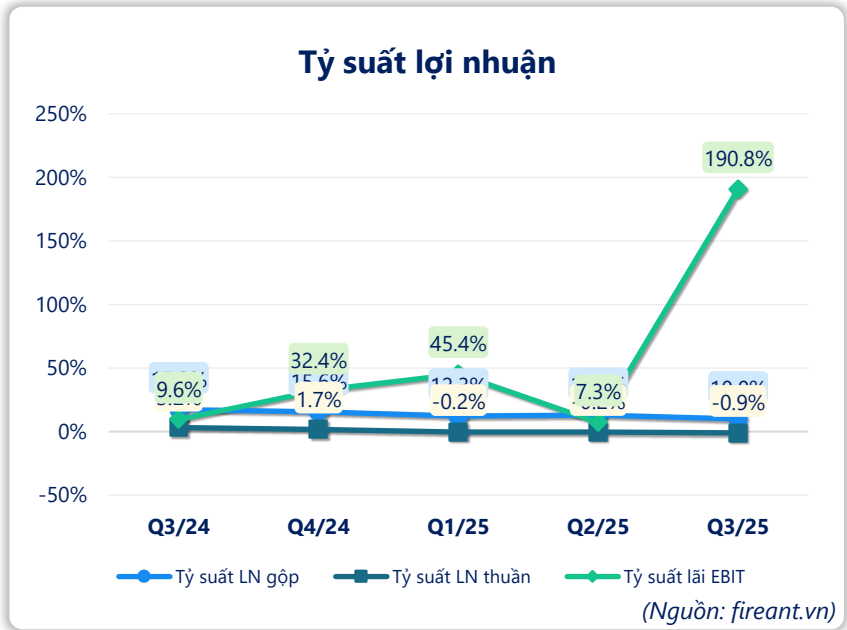
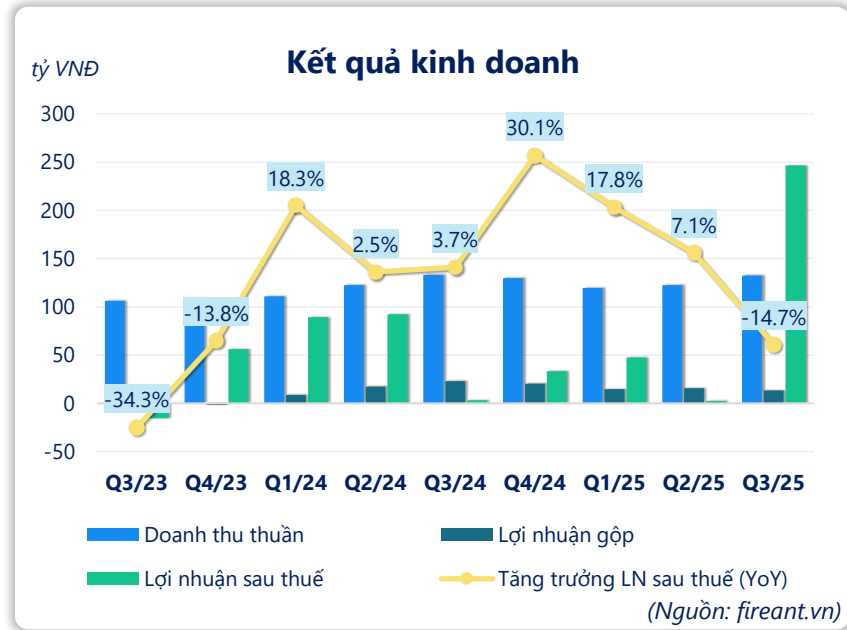


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		3,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		4,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,700
SL cổ phiếu LH		68,999,337
KLGD BQ 20 phiên (CP)		19,730
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		241
P/E		0.7
EPS		4,779

	YTD	1T	3T	6T
VST	25.0%	0.0%	0.0%	2.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	551	378	45.9%
Tài sản ngắn hạn	122	208	-41.3%
Tiền và tương đương tiền	56.4	32.6	73.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	9.03	135	-93.3%
Hàng tồn kho	41.5	28.7	44.6%
Tài sản ngắn hạn khác	15.2	12.4	22.5%
Tài sản dài hạn	429	170	153%
Phải thu dài hạn	23.3	23.3	0.2%
Tài sản cố định	367	123	198%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	2.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	36.9	21.3	73.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	925	1,047	-11.6%
Nợ ngắn hạn	731	943	-22.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	201	241	-16.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	22.7	16.9	34.6%
Nợ dài hạn	195	104	86.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	161	96.0	67.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-374	-669	44.1%
Vốn chủ sở hữu	-374	-669	44.1%
Vốn điều lệ	690	690	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	133	130	120	123	133
Giá vốn hàng bán	110	110	105	107	119
Lợi nhuận gộp	23.0	20.3	14.7	15.9	13.3
Doanh thu HĐTC	1.79	3.26	2.15	1.40	0.99
Chi phí TC	9.93	9.22	6.45	6.28	5.59
Chi phí lãi vay	8.73	8.18	6.00	5.75	5.42
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.73	1.48	1.17	1.32	1.52
Chi phí QLDN	8.87	10.6	9.55	9.88	8.38
LN thuần từ HĐKD	4.30	2.27	-0.28	-0.22	-1.24
Lợi nhuận khác	-0.31	31.6	48.6	3.42	249
LN trước thuế	3.99	33.9	48.3	3.20	247
Lợi nhuận sau thuế	3.14	33.2	47.5	2.45	247
LNST của CĐ cty mẹ	3.14	33.2	47.5	2.45	247

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	18.2	53.2	48.2	-112	273
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.25	22.0	0.74	-77.2	-237
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.25	-71.6	-37.1	179	-14.9
Tiền đầu kỳ	11.9	29.0	32.6	44.4	34.6
Lưu chuyển tiền thuần	17.2	3.46	11.8	-9.91	22.0
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.08	0.13	0.03	0.07	-0.10
Tiền cuối kỳ	29.0	32.6	44.4	34.6	56.4

(Nguồn: fireant.vn)